

## TPDN BĐS vẫn chưa khởi sắc

- Tháng 7/2024 (từ 1 - 18/7), tổng giá trị TPDN phát hành thành công giảm 82% với tháng trước và giảm 38% svck. Lũy kế từ đầu năm, tổng giá trị phát hành đạt hơn 148.7 nghìn tỷ đồng, tăng 33% svck.
- TPDN bất động sản tiếp tục đối mặt áp lực đáo hạn lớn trong nửa cuối năm 2024 khi tỷ lệ chậm trả tiếp tục tăng.
- Tính từ đầu năm đến nay, KBNN đã phát hành được tổng cộng 183,144 tỷ đồng TPCP, hoàn thành 46% kế hoạch năm 2024.

### Trái phiếu Doanh nghiệp: Lãi suất duy trì xu hướng giảm từ đầu năm

#### TPDN của nhóm Ngân hàng duy trì mặt bằng lãi suất ổn định

Từ ngày 1 đến ngày 18/7, tổng giá trị TPDN phát hành thành công ước đạt hơn 11.3 nghìn tỷ đồng, giảm 38% svck, đa số các đợt phát hành đều đến từ các NHTMCP (chiếm hơn 96%). Các đợt phát hành đáng chú ý bao gồm: Viettinbank (3 nghìn tỷ đồng, kỳ hạn 120 tháng, lãi suất 6.1%), SHB (2 nghìn tỷ đồng, kỳ hạn 36 tháng, lãi suất 6%) và HDBank (1 nghìn tỷ đồng, kỳ hạn 96 tháng, lãi suất 7.47%). Việc các NHTMCP đồng loạt đẩy mạnh phát hành trái phiếu được cho là nhằm củng cố nguồn vốn trung và dài hạn để đáp ứng nhu cầu vay của doanh nghiệp trong bối cảnh tăng trưởng tín dụng đạt 6% trong 6 tháng đầu năm và dự báo sẽ tiếp tục tăng lên 14% trong những tháng cuối năm.

Lũy kế từ đầu năm, tổng giá trị TPDN phát hành đạt hơn 148.7 nghìn tỷ đồng, tăng 33% svck. Lãi suất TPDN bình quân gia quyền trong 7 tháng đầu năm ước khoảng 7.4%, thấp hơn so với mức trung bình 8.3% của năm 2023.

Tính từ đầu năm, **Ngân hàng** vẫn là nhóm ngành có giá trị phát hành cao nhất với khoảng 96.2 nghìn tỷ, (tăng 140% svck năm ngoài) chiếm tỷ trọng 65%, lãi suất bình quân gia quyền là 5.4%/năm, kỳ hạn bình quân 4 năm. Các doanh nghiệp phát hành giá trị lớn nhất bao gồm: Techcombank (17 nghìn tỷ đồng), ACB (12.7 nghìn tỷ đồng), MBBank (8.9 nghìn tỷ đồng).

Xếp sau là nhóm ngành **Bất động sản** với tổng giá trị phát hành đạt 32.6 nghìn tỷ đồng (cùng kỳ năm 2023 giá trị phát hành là 47.5 nghìn tỷ đồng), tỷ trọng 22%. Lãi suất bình quân gia quyền của trái phiếu bất động sản ở mức 12%/năm, kỳ hạn bình quân là 2.7 năm. Các doanh nghiệp phát hành giá trị lớn nhất bao gồm: CTCP Vinhomes (12.5 nghìn tỷ đồng), Tập đoàn Vingroup - Công ty CP (10 nghìn tỷ đồng) và Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Bất động sản Hải Đăng (2.5 nghìn tỷ đồng).

#### Nhóm ngành ngân hàng chiếm 83.5% tỷ trọng mua lại trong tháng

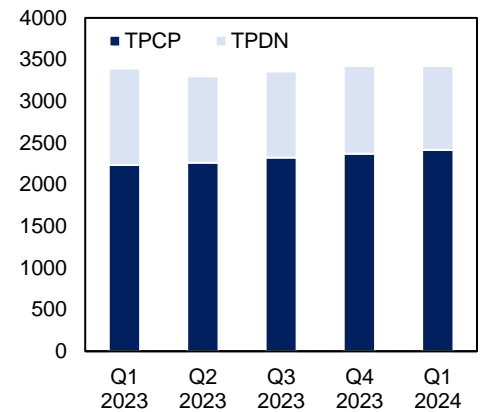
Tính đến ngày 18/07, giá trị trái phiếu mua lại trước hạn ước tính khoảng 10.1 nghìn tỷ đồng, giảm 60% so với tháng trước. Lũy kế từ đầu năm đến nay, khoảng hơn 84.5 nghìn tỷ đồng TPDN đã được mua lại trước hạn, giảm 42% svck.

#### Tỷ lệ chậm trả tiếp tục tăng nhanh khi nhiều doanh nghiệp đang đối mặt với gánh nặng đáo hạn lớn

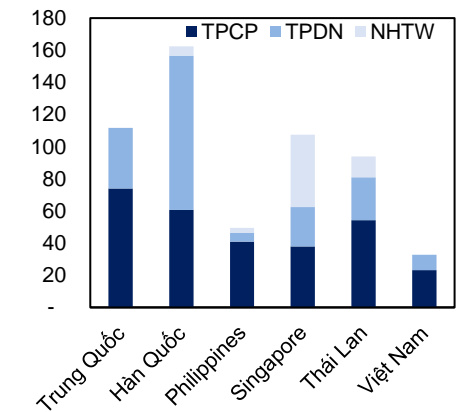
Trong tháng 7, đã ghi nhận thêm 3 doanh nghiệp công bố chậm thanh toán gốc khiến cho tổng số chậm trả lên tới 116 doanh nghiệp. Hiện tại, tổng giá trị TPDN chậm các nghĩa vụ thanh toán ước vào khoảng 209.8 nghìn tỷ đồng, chiếm 21% dư nợ TPDN của toàn thị trường, trong đó nhóm ngành bất động sản tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn nhất khoảng 68% giá trị chậm trả.

Chúng tôi ước tính có khoảng hơn 95.3 nghìn tỷ đồng trái phiếu sẽ đáo hạn trong 6 tháng cuối năm, trong đó chủ yếu đến từ nhóm ngành BĐS với giá trị TP đáo hạn lên đến hơn 61.9 nghìn tỷ đồng, chiếm 65% tổng giá trị đáo hạn. Tiếp theo là ngành NH - tổng giá trị là ước khoảng 14,280 tỷ đồng (chiếm 15% giá trị đáo hạn).

Dư nợ thị trường trái phiếu Việt Nam theo quý (nghìn tỷ đồng)



Quy mô thị trường trái phiếu các nước trong khu vực (% GDP Q1 2024)



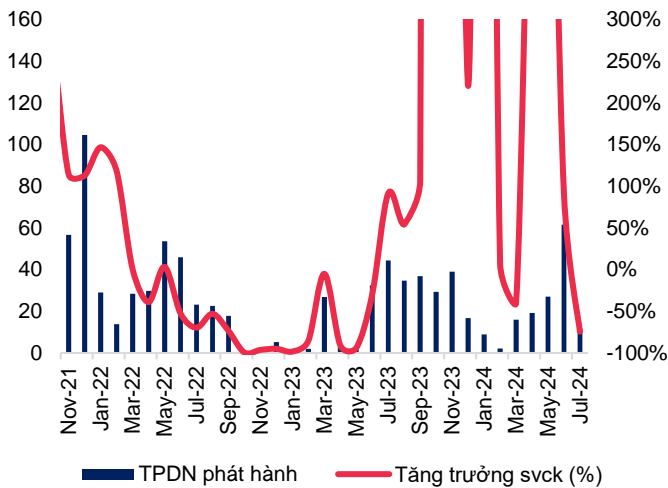
#### Chuyên viên phân tích



Lê Minh Anh

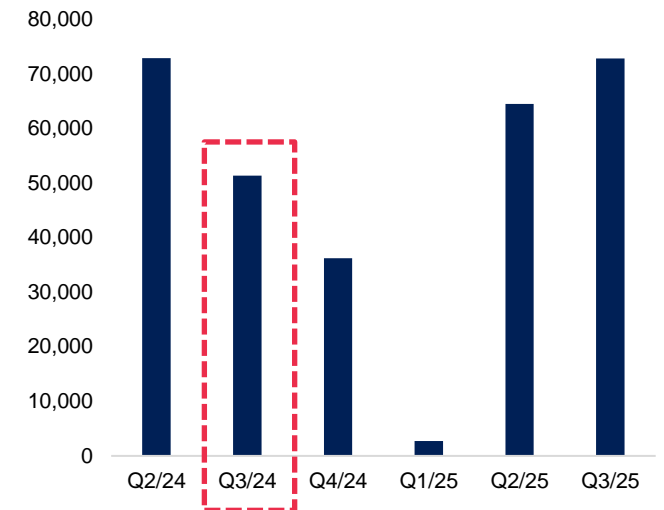
Anh.leminh@mbs.com.vn

**Hình 1: Giá trị TPDN phát hành thành công theo tháng (Đơn vị: Nghìn tỷ đồng). (Dữ liệu TPDN chốt vào ngày 18/7)**



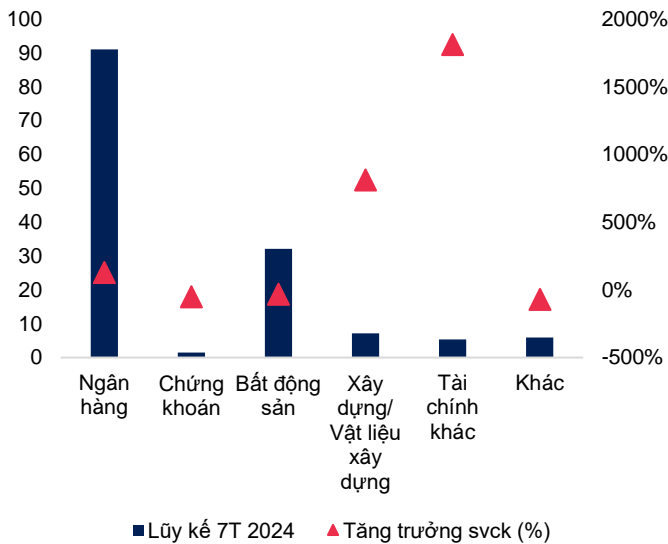
Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

**Hình 2: Ước tính khối lượng TPDN đáo hạn theo quý (Đơn vị: tỷ đồng)**



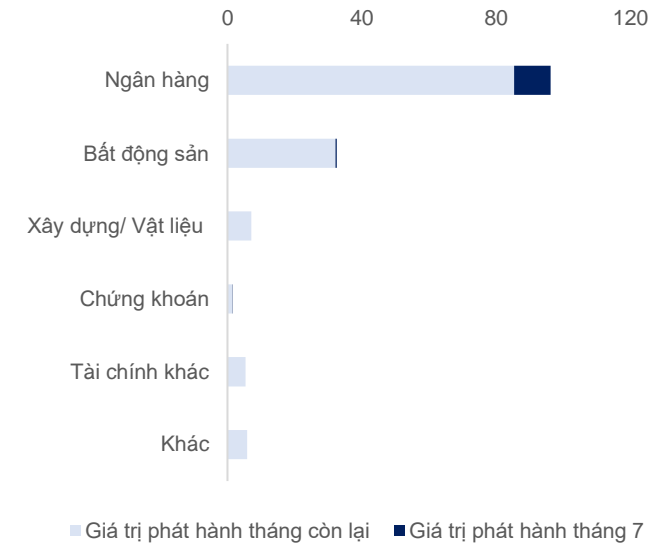
Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

**Hình 3: Giá trị TPDN phát hành thành công của các nhóm ngành trong lũy kế từ đầu năm (Đơn vị: Nghìn tỷ đồng)**



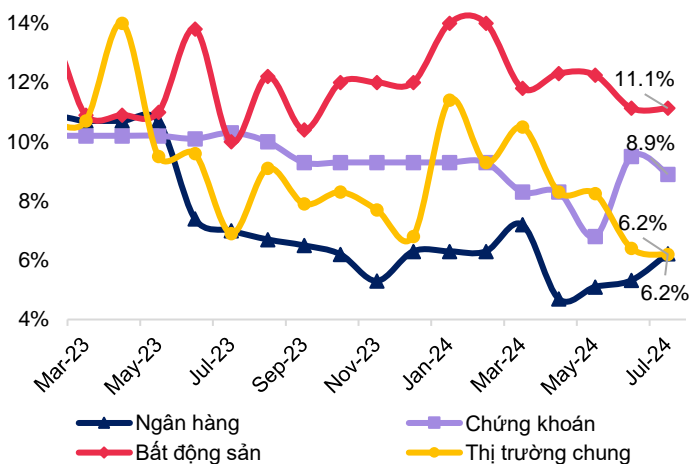
Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

**Hình 4: Cơ cấu giá trị TPDN phát hành lũy kế từ năm 2024 theo ngành (Đơn vị: Nghìn tỷ đồng)**



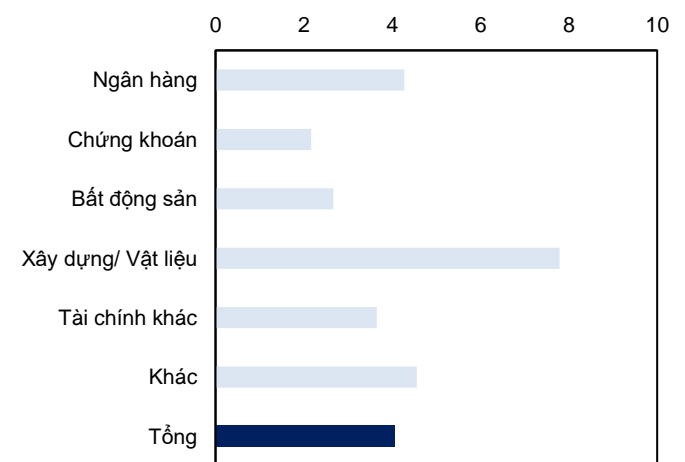
Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

**Hình 5: Lãi suất bình quân gia quyền của TPDN theo nhóm ngành (%/năm)**



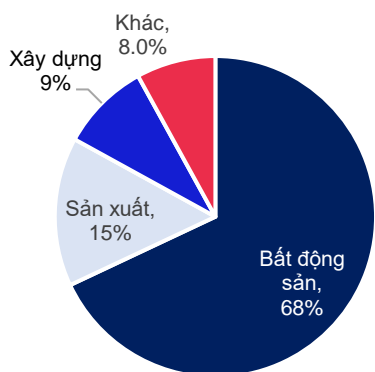
Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

**Hình 6: Kỳ hạn trung bình TPDN phát hành trong năm 2024 theo nhóm ngành (năm)**



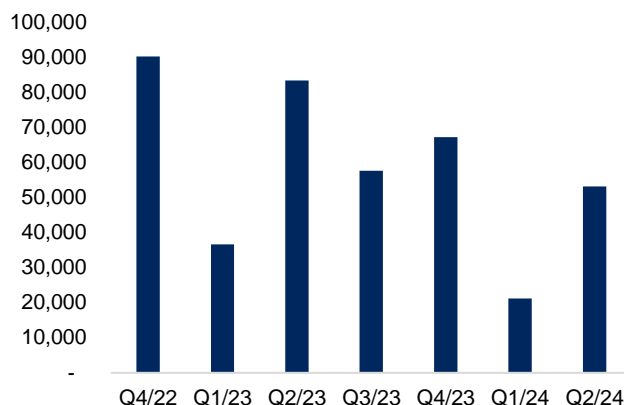
Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 7: Từ đầu năm đến nay, tổng giá trị TPDN chậm các nghĩa vụ thanh toán là khoảng 209.8 nghìn tỷ đồng Cơ cấu TPDN chậm nghĩa vụ thanh toán theo ngành



Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 8: Giá trị mua lại TPDN trước hạn theo quý (Đơn vị: tỷ đồng). (Dữ liệu TPDN chốt vào ngày 18/7)



Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

## Thị Trường Trái Phiếu Chính Phủ

### Thị trường sơ cấp

KBNN phát hành thành công 26,642 tỷ đồng TPCP trong kỳ với lợi suất trúng thầu vẫn trên đà tăng

Quy mô giá trị chào bán TPCP đang dần phục hồi. Từ đầu tháng đến ngày 23/7, trong số 41,000 tỷ đồng trái phiếu được chào bán, có 26,642 tỷ đồng được huy động, tỷ lệ trúng thầu 65%, tỷ lệ trúng thầu đã cải thiện hơn so với những tháng trước, song vẫn thấp hơn tháng 3 với tỷ lệ là 68%. Lũy kế 7 tháng đầu năm 2024, KBNN đã phát hành được tổng cộng 183,144 tỷ đồng TPCP, hoàn thành được 46% kế hoạch năm.

Mức lợi suất trúng thầu vẫn duy trì đà tăng kể từ đầu năm. Trong đó, lãi suất kỳ hạn 10N và 15N lần lượt là 2.8%/năm và 2.9%/năm. Lợi suất kỳ hạn 20N cũng tăng vọt 33 điểm cơ bản lên mức 2.98%/năm. Trong cuộc họp báo về kết quả 6 tháng đầu năm, Cục trưởng cục quản lý ngân quỹ cho biết trong nửa sau năm 2024, KBNN sẽ bám sát kế hoạch huy động vốn được giao đồng thời điều hành lãi suất phát hành hợp lý, phù hợp với định hướng điều hành chính sách tiền tệ nhằm kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô.

Hình 9: Kết quả phát hành TPCP từ đầu năm 2024 đến nay (tỷ đồng)

Kỳ hạn	Kế hoạch KBNN 2024	KBNN đã phát hành 2024	% Kế hoạch KBNN 2024
3 Năm	30,000		
5 Năm	70,000	35,250	50%
7 Năm	15,000	400	3%
10 Năm	100,000	98,081	98%
15 Năm	140,000	40,656	29%
20 Năm	20,000	4,470	22%
30 Năm	25,000	4,287	17%
<b>Tổng</b>	<b>400,000</b>	<b>183,144</b>	<b>46%</b>

Dữ liệu TPCP được chốt vào ngày 22/7/2024

Nguồn: KBNN, HNX, MBS Research

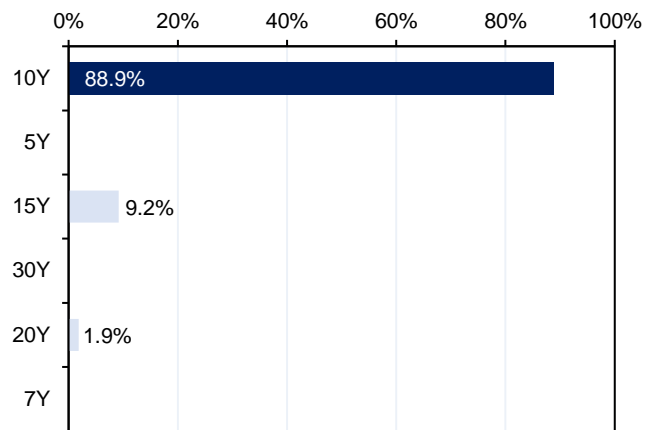
Hình 10: Kết quả đấu thầu TPCP KBNN T7/2024 (%)

Kỳ hạn	Giá trị chào bán	Giá trị trúng thầu	Tỷ lệ trúng thầu	Lợi suất
3N				
5N	1,500	0	0%	0.00%
7N				
10N	33,000	23,692	72%	2.74%
15N	5,000	2,450	49%	2.95%
20N	1,000	500	50%	0.00%
30N	500	0	0%	0.00%
<b>Tổng</b>	<b>41,000</b>	<b>26,642</b>	<b>65%</b>	<b>Đơn vị: tỷ đồng</b>

\*Tính đến thời điểm 22/7/2024

Nguồn: HNX, MBS Research

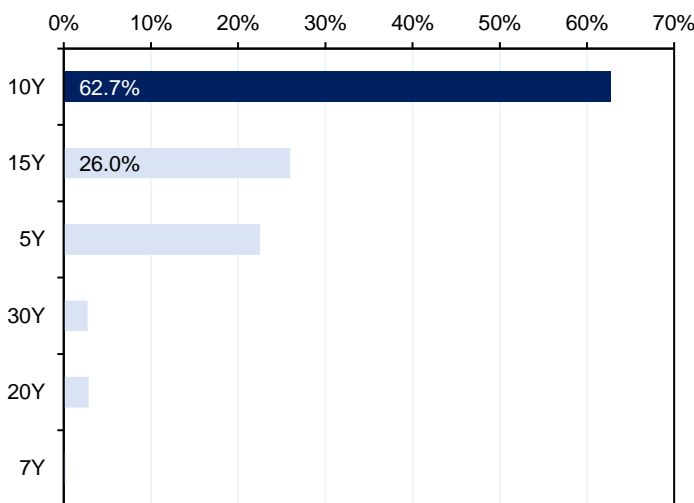
Hình 11: Tỷ trọng TPCP phát hành T7/2024



\*Tính đến thời điểm 22/7/2024

Nguồn: HNX, MBS Research

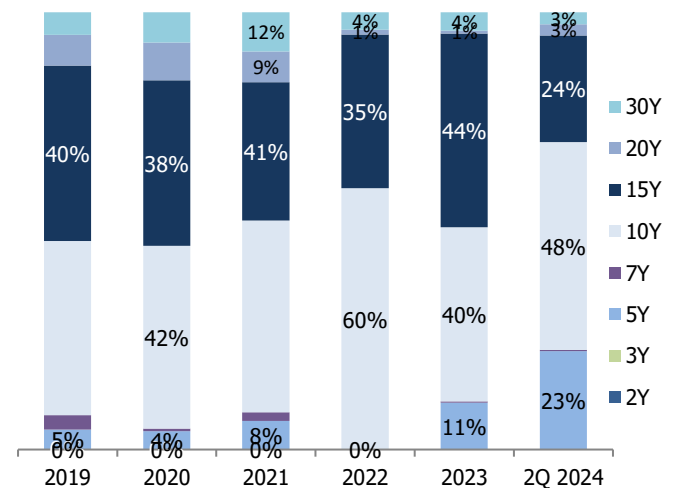
Hình 12: Tỷ trọng TPCP phát hành trong năm 2024



\*Tính đến thời điểm 22/7/2024

Nguồn: HNX, MBS Research

Hình 13: Tỷ trọng TPCP trúng thầu qua các năm



Nguồn: HNX, MBS Research

Hình 14: Lợi suất TPCP 10N tại một số quốc gia

Tính đến ngày 22/7/2024

Thị Trường	Đóng cửa	Tuần trước*	Tháng trước*	31/12/2023
Mỹ	4.20	-0.80	-19.4	32.3
EU	2.43	-3.14	-6.9	40.7
Nhật Bản	1.04	-4.80	-1.5	42.8
Trung Quốc	2.26	0.07	5.5	-29.6
Hàn Quốc	3.14	-8.70	-12.5	-4.0
Ấn Độ	6.97	-1.60	-4.2	-20.7
Malaysia	3.80	-4.10	-5.9	6.6
Singapore	3.02	-16.52	-21.2	32.1
Indonesia	6.93	-7.04	-14.1	45.2
Philippines	5.08	-3.11	-15.2	38.7
Thái Lan	2.65	-0.52	-8.6	-10.6
<b>Việt Nam</b>	<b>2.79</b>	<b>0.20</b>	<b>0.7</b>	<b>55.5</b>

\* Số điểm cơ bản thay đổi so với hiện tại

Nguồn: Bloomberg, MBS Research

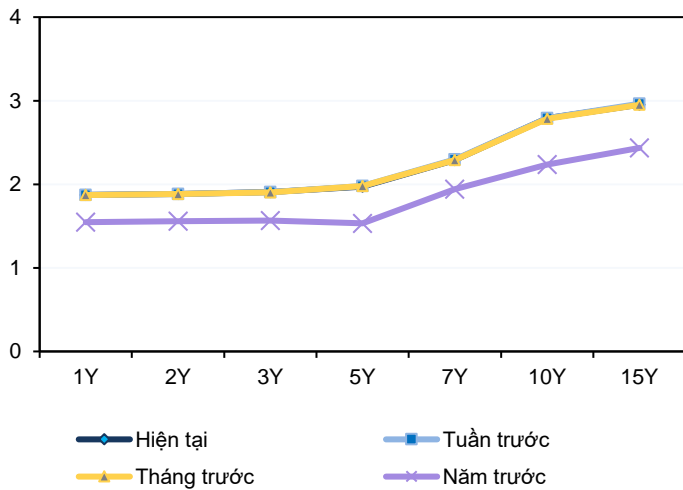
### Thị trường thứ cấp

Lợi suất TPCP hầu như không có thay đổi gì so với cuối tháng trước. Tổng giá trị giao dịch bình quân trên thị trường TPCP thứ cấp giảm 28.6% so với tháng trước. NĐTNN quay trở lại bán ròng hơn 558 tỷ đồng TPCP trong tháng.

Lợi suất kỳ hạn 10N tháng này tiếp tục duy trì ở mức 2.8%/năm. Lợi suất các kỳ hạn ngắn cũng khá ổn định, chỉ biến động nhẹ khoảng 1 điểm cơ bản. Trong đó, lợi suất kỳ hạn 2N đang ở mức 1.9. Lợi suất TPCP của Việt Nam đang cho thấy xu hướng đi ngược lại so với thế giới.

Giao dịch trên thị trường TPCP thứ cấp có phần ảm đạm hơn so với tháng trước với lượng giá trị giao dịch bình quân ngày đạt 10.3 nghìn tỷ đồng, giảm 28.6% so với tháng trước. Trong đó, giao dịch outright chiếm 54% khối lượng trong kỳ với khoảng 89.3 nghìn tỷ đồng. Bình quân giao dịch 5.6 nghìn tỷ đồng/ngày, giảm 42.6% so với bình quân tháng trước. Giá trị giao dịch repos bình quân giảm 0.2% so với tháng trước, với giá trị giao dịch lên tới 4.7 nghìn tỷ đồng/ngày. Tổng giá trị khối ngoại bán ròng hơn 558 triệu đồng TPCP trong kỳ. Tính đến ngày 23/7 kể từ đầu năm, NĐTNN đã bán ròng khoảng 407 tỷ đồng trong năm.

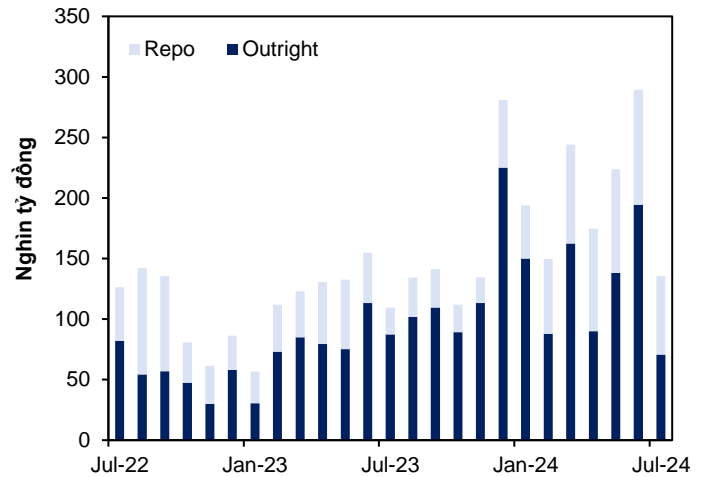
Hình 15: Lợi suất TPCP (%)



Dữ liệu TPCP được chốt vào ngày 22/7

Nguồn: Bloomberg, MBS Research

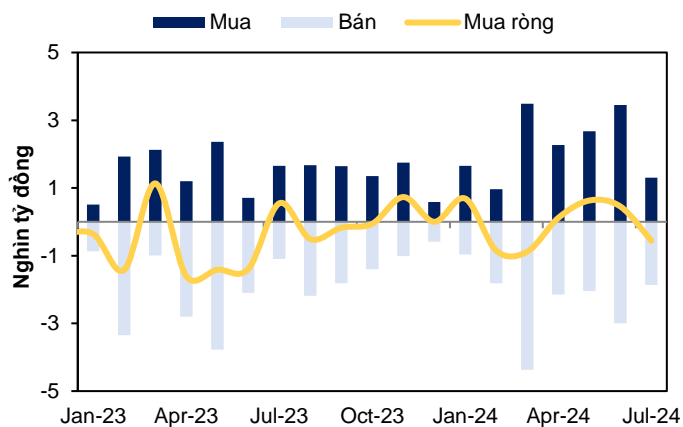
Hình 16: GTGD Outright và Repos trên thị trường thứ cấp



Dữ liệu TPCP được chốt vào ngày 22/7

Nguồn: HNX, MBS Research

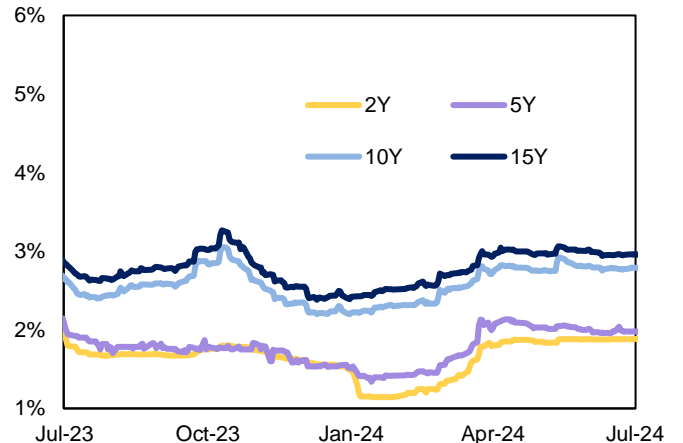
Hình 17: Giao dịch khối ngoại trên thị trường thứ cấp



Dữ liệu TPCP được chốt vào ngày 22/7

Nguồn: HNX, MBS Research

Hình 18: Đường cong lợi suất TPCP - TT thứ cấp



Dữ liệu TPCP được chốt vào ngày 22/7

Nguồn: HNX, MBS Research

**Phụ lục**

**Hình 19: Các doanh nghiệp phát hành khối lượng TPDN lớn nhất trong năm 2024**

Tổ chức phát hành	Kỳ hạn (năm)	Giá trị (tỷ đồng)	Lãi suất (%/năm)
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	3	17,000	3.7%-5.4%
Ngân hàng TMCP Á Châu	2-5	12,670	4.5%-6.1%
CTCP Vinhomes	2-3	12,500	12%
Tập đoàn Vingroup – Công ty CP	2-3	10,000	12.5%-15%
Ngân hàng TMCP Quân Đội	2-10	8,906.7	5.28%-6.8%
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	7-20	8,745	5.78%-6.5%
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	3-10	7,200.8	5.1%-6.68%
Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Bắc Á	3-8	6,500	4.7%-7.5%
Ngân hàng TMCP Phương Đông	3	5,800	4.9%-5.4%
Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh	3-7	5,000	4.8%-7.4%

Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

**Hình 20: Các doanh nghiệp phát hành trái phiếu có lãi suất cao nhất trong năm 2024**

Tổ chức phát hành	Kỳ hạn (năm)	Giá trị (tỷ đồng)	Lãi suất (%/năm)
Tập đoàn Vingroup - Công ty CP	2-3	10,000	12.5%-15%
Công ty TNHH Khu đô thị mới Trung Minh	5	1,100	12.5%
CTCP Tập đoàn Khải Hoàn Land	5	250	12.5%
CTCP Vinhomes	2-3	10,000	12.0%
Công ty TNHH Đầu tư xây dựng Thiên Hà – Bằng Dương	5	600	12.0%
CTCP Phát triển tổng hợp Hưng Thịnh Phát	4	412	12.0%
Công ty TNHH Hoàng Trúc My	5	200	12.0%
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp	3-5	2,100	10.5%-12%
CTCP Thương mại sản xuất độc lập	2	200	11.5%
CTCP Kinh doanh F88	1	100	11.5%

Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

**Hình 21: Danh sách trái phiếu hoàn thành đợt phát hành trong tháng 6 và tháng 7**

Mã CK	Tổ chức phát hành	Tháng phát hành	Giá trị (tỷ đồng)	Lãi suất (%/năm)	Kỳ hạn (tháng)
	Công Ty Tài Chính TNHH MB Shinsei	06/2024	300	6.98%	72
	Công ty Tài chính TNHH một thành viên Home Credit Việt Nam	06/2024	1,900	7%-7.4%	24-36
	Công ty TNHH Đầu tư xây dựng Thiên Hà – Bằng Dương	06/2024	600	12%	60
	Công ty TNHH Khu đô thị mới Trung Minh	06/2024	200	12.5%	60
BMS	CTCP Chứng Khoán Bảo Minh	06/2024	260	9.5%	12
	CTCP Chứng Khoán Kỹ Thương	06/2024	50	7.92%	18
	CTCP Đầu tư Nam Long	06/2024	550	9.5%	60
	CTCP Đầu tư Văn Phú Invest	06/2024	150	11%	24
GEG	CTCP Điện Gia Lai	06/2024	300	9.5%-10%	36-60
VJC	CTCP Hàng Không Vietjet	06/2024	2,000	10.5%	60
	CTCP Kiểm định xây dựng An Hòa	06/2024	50	11%	24
	CTCP Năng lượng Bắc Hà	06/2024	325	9.5%	60
IPA	CTCP Tập đoàn Đầu tư I.P.A	06/2024	1,052	9.5%	60
KHG	CTCP Tập đoàn Khải Hoàn Land	06/2024	250	12.5%	60
	CTCP Tập đoàn Mặt trời	06/2024	1,800	10.08%	36-60
	CTCP Thương mại sản xuất độc lập	06/2024	200	11.5%	24
VHM	CTCP Vinhomes	06/2024	2,500	12%	24

Mã CK	Tổ chức phát hành	Tháng phát hành	Giá trị (tỷ đồng)	Lãi suất (%/năm)	Kỳ hạn (tháng)
BAB	Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Bắc Á	06/2024	4,500	4.7%-7.5%	36-96
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	06/2024	5,200.8	5.1%-6.68%	36-120
ACB	Ngân hàng TMCP Á Châu	06/2024	12,270	4.5%-6.1%	24-60
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	06/2024	1,600	5.78%-5.93%	84-96
MSB	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	06/2024	2,000	5.3%	36
TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	06/2024	8,000	5.3%-5.4%	36
	Ngân hàng TMCP Nam Á	06/2024	260	7.7%	72
OCB	Ngân hàng TMCP Phương Đông	06/2024	5,300	4.9%-5.4%	36
MBB	Ngân hàng TMCP Quân Đội	06/2024	5,000	5.28%-6.18%	24-84
	Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam	06/2024	5,000	5.1%-5.4%	24
HDB	Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh	06/2024	1,500	7.47%-7.8%	84-96
	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp	06/2024	800	10.5%	36
PSI	CTCP Chứng Khoán Dầu Khí	07/2024	200	8.9%	18
	CTCP Phát triển tổng hợp Hưng Thịnh Phát	07/2024	412	12%	48
ACB	Ngân hàng TMCP Á Châu	07/2024	400	6%	36
CTG	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	07/2024	4,400	5.88%-6.5%	96-180
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	07/2024	1,600	5.78%-5.88%	84-96
OCB	Ngân hàng TMCP Phương Đông	07/2024	500	5.2%	36
SHB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội	07/2024	3,000	6%-6.3%	36
HDB	Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh	07/2024	1,000	7.47%	96

Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

## MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Khối Nghiên cứu - Công ty Cổ phần Chứng khoán MBS (MBS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố song MBS không chịu trách nhiệm hay bảo đảm nào về tính chính xác, tính đầy đủ, tính kịp thời của những thông tin này cho bất kỳ mục đích cụ thể nào. Những quan điểm trong báo cáo này không thể hiện quan điểm chung của MBS và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này được phát hành chung, bất kỳ khuyến nghị nào trong tài liệu này không liên quan đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính và nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nhận cụ thể nào. Báo cáo này và tất cả nội dung là sản phẩm sở hữu của MBS; người nhận không được phép sao chép, tái xuất bản dưới bất kỳ hình thức nào hoặc phân phối lại toàn bộ hoặc một phần, cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MBS.

## HỆ THỐNG KHUYẾN NGHỊ ĐẦU TƯ MBS

### Khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

Khuyến nghị đầu tư của MBS được xây dựng dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng.

KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên
TRUNG LẬP	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến 15%
KÉM KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn 15%

### Khuyến nghị đầu tư ngành

KHẢ QUAN	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị Mua tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền
TRUNG LẬP	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị Nắm giữ, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền
KÉM KHẢ QUAN	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị Bán, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB (MBS)

Được thành lập từ tháng 5 năm 2000 bởi Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) với tên gọi tiền thân là Công ty CP chứng khoán Thăng Long, Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) là một trong 6 công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam. Sau nhiều năm phát triển, MBS đã trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam, liên tục đứng trong Top 10 thị phần tại cả hai Sở Giao dịch (Hồ Chí Minh và Hà Nội).

Địa chỉ:

Tòa nhà MB, 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội

Tel: + 8424 7304 5688 - Fax: +8424 3726 2601

Website: [www.mbs.com.vn](http://www.mbs.com.vn)

## KHỐI NGHIÊN CỨU CÔNG TY CPCK MB

### Giám đốc Khối Nghiên cứu

*Trần Thị Khánh Hiền*

### Trưởng phòng

*Nguyễn Tiến Dũng*

### Vĩ mô & Chiến lược thị trường

*Ngô Quốc Hưng*

*Nghiêm Phú Cường*

*Lê Minh Anh*

*Đinh Hà Anh*

### Ngân hàng – Dịch vụ Tài chính

*Đinh Công Luyện*

*Nguyễn Đức Hải*

### Bất động sản

*Nguyễn Minh Đức*

*Lê Hải Thành*

*Nguyễn Minh Trí*

### Dịch vụ - Tiêu dùng

*Nguyễn Quỳnh Ly*

### Công nghiệp – Năng Lượng

*Nguyễn Hà Đức Tùng*

*Phạm Thị Thanh Huyền*